

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS - ST.

Ngày: 30 - 9 - 2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 và 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST - DS, ngày 17 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST - DS, ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: Tòa nhà T, đường Đ, phường N, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Thanh H; sinh năm 1992; địa chỉ: đường V, phường X, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 23/7/2019) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Mộng L; sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2.2. Ông Phạm Văn N; sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 18/4/2018 của nguyên đơn Ngân hàng V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Thanh H trình bày: Vào ngày 17/11/2015, Ngân hàng có ký kết với ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L hợp đồng tín dụng số 346/2015/HĐTD LienvietPostbank.St. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông N và bà L vay số tiền gốc là 250.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, phương thức cho vay từng lần, kỳ hạn trả gốc và lãi ngày 20 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng: 19/11/2020, mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng hợp pháp, lãi suất cho vay 11%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Để bảo đảm số nợ vay thì vợ chồng ông N và bà L có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 346/2015/BĐ ngày 17/11/2015 để thế chấp toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 7, có diện tích 3.424,9m², tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 204746 ngày 21/10/2015 cho ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông N và bà L chỉ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 27.285.652 đồng và lãi là 36.680.894 đồng, tính đến ngày 25/9/2019 ông N và bà L còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 222.741.348 đồng, tiền lãi trong hạn theo giao kết trong hợp đồng là 31.755.740 đồng, tiền lãi quá hạn theo giao kết trong hợp đồng là 46.468.805 đồng, tổng cộng là 300.965.893 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L hoàn trả cho Ngân hàng tổng dư nợ đến ngày 25/9/2019 là 300.965.893 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 26/9/2019 đến khi ông N và bà L trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp ông N và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà ông N và bà L đã ký kết với Ngân hàng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2018, các biên bản hòa giải thì bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L đều trình bày: Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L có ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng V với số tiền 250.000.000 đồng, mục đích mua sắm, bà L và ông N không biết lãi suất hai bên thỏa thuận bao nhiêu, vì không có xem hợp đồng. Việc vay vốn có thể chấp tài sản là nhà và đất tọa lạc tại Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thì ông N và bà L đồng ý thanh toán vốn và lãi yêu cầu của Ngân hàng, do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng thanh toán đã vi phạm hợp đồng, ông N và bà L đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 300.965.893 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi ông N và bà L hoàn trả xong nợ gốc; trường hợp ông N và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N và bà L.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 20/6/2018 khi ghi nhận lời khai của bị đơn bà Nguyễn Mộng L thì bà L xác định tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà mà bà L và ông N đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 346/2015/BĐ ngày 17/11/2015 do vợ chồng bà L, ông N và 03 người con là anh Phạm Văn N, cháu Phạm Ngọc L và cháu Phạm Huy H quản lý, sử dụng nên Tòa án đã đưa anh N, cháu L và cháu H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, vào ngày 05/11/2018 khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thì thể hiện quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện nay không ai quản lý, sử dụng; đồng thời, căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 204746 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp ngày 21/10/2015 cho ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L nên Hội đồng xét xử xác định việc giải quyết vụ án không liên quan đến anh Phạm Văn N, cháu Phạm Ngọc L và cháu Phạm Huy H và không đưa họ tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L hoàn trả số tiền vay gốc là 222.741.348 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 78.224.545 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 26/9/2019 đến khi ông N và bà L trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L có vay vốn, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng số

346/2015/HĐTD LienvietPostbank.St có chữ ký của ông N và bà L ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung hợp đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 20/6/2018 ông N và bà L đều thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và còn nợ số tiền gốc và lãi đúng theo yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông N và bà L đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 250.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông N và bà L không thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 27.285.652 đồng và lãi là 36.680.894 đồng. Do vậy, việc ông N và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông N và bà L là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông N và bà L hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 222.741.348 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng số 346/2015/HĐTD LienvietPostbank.St thì Ngân hàng và ông N, bà L đã giao kết mức lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn nên ông N và bà L phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông N và bà L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày 22/6/2016 đến ngày 25/9/2019 là 78.224.545 đồng, trong đó lãi trong hạn là 31.755.740 đồng, lãi quá hạn là 46.468.805 đồng.

Như vậy, bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng V dư nợ tính đến ngày 25/9/2019 số tiền vay gốc là 222.741.348 đồng, tiền lãi là 78.224.545 đồng, tổng cộng là 300.965.893 đồng; ông N và bà L còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 346/2015/BĐ ngày 17/11/2015 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Mộng L đối với thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 204746

ngày 21/10/2015 cho ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L thì hợp thể chấp nêu trên có chữ ký của ông N và bà L bên mục người thế chấp, sau khi ký kết hợp đồng thì các bên có đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật và quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận lời khai của ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L ngày 20/6/2018 thì ông N và bà L đều thừa nhận có thể chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đúng như yêu cầu của Ngân hàng và thống nhất giao tài sản cho Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án ngày 05/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện nay không ai quản lý, sử dụng.

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ông N và bà L đã tự nguyện dùng tài của mình là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông N và bà L nêu trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông N và bà L; mặt khác về nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L cùng có nghĩa vụ chịu 840.000 đồng, số tiền này nguyên đơn Ngân hàng V đã nộp xong nên ông N và bà L có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L cùng có nghĩa vụ chịu 15.048.294 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

[2] Buộc bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng V dư nợ tính đến ngày 25/9/2019 với số tiền vay gốc là 222.741.348 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng), tiền lãi là 78.224.545 đồng (bảy mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng), tổng cộng là 300.965.893 đồng (ba trăm triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng) và ông N và bà L còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3] Trường hợp bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng V thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 346/2015/BĐ ngày 17/11/2015 đối với tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 204746 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 21/10/2015 cho ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L đối với thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Trường An, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L cùng có nghĩa vụ chịu 840.000 đồng (tám trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng V đã nộp xong nên ông N và bà L có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 840.000 đồng (tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Mộng L cùng có nghĩa vụ chịu 15.048.294 đồng (mười lăm triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 6.392.000 đồng (sáu triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003105 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Cẩm Nhung